

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 74/2024/DSPT

Ngày: 14/6/2024

V/v: Tranh chấp kiện đòi tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình

Ông Đỗ Thế Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2023/TLPT-DS ngày 05/01/2023 về “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 71/2023/QĐ-PT ngày 07/02/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; Địa chỉ: Khu phố M, phường Ph, thị xã Qu, tỉnh Bắc Ninh (ông L có mặt, bà L vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Khu Tiên Ngoại, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Thân Đức T, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Hồng Th, huyện V, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Viết D, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Khu phố Gi, phường Ph, thị xã Qu, tỉnh Bắc Ninh (Bà Nguyễn Thị

L ủy quyền cho ông Nguyễn Viết D – có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Chí Dưỡng – Công ty Luật Dân trí, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Số 48, đường Lê Văn Thịnh, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thị xã Quế Võ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn T - Chủ tịch UBND thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đăng O - Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Quế Võ (xin xét xử vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân phường Phương Liễu;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng H - Chủ tịch UBND phường Phương Liễu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc Th - Phó chủ tịch UBND phường Phương Liễu (xin xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn là ông Lê Văn L trình bày:

Vào tháng 6/2012, ông Nguyễn Viết D có đến nhà ông và đặt vấn đề muốn bán thửa đất của nhà ông ở tại thôn Giang Liễu, xã Phương Liễu (nay là khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu). Lúc đến đặt vấn đề ông D có nói đang làm xây dựng tại Từ Sơn và trường Thống kê còn ông cũng là người buôn bán đất tự do nên sau khi hai bên thỏa thuận, vợ chồng ông đã đồng ý mua đất của vợ chồng ông D theo giá hai bên tự thỏa thuận. Ngày 11/6/2012, vợ chồng ông D và vợ chồng ông có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân phường Phương Liễu. Nội dung của Hợp đồng: Vợ chồng ông D và bà Nguyễn Thị L chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất (nhà 02 tầng) tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m² tại khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã được UBND thị xã Quế Võ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho vợ chồng ông D và bà L. Trước khi ký hợp đồng chuyển nhượng, ông D là người trực tiếp làm đơn đề nghị

UBND phường Phương Liễu xác nhận tình trạng thửa đất không có tranh chấp, sử dụng ổn định. Tại thời điểm ký hợp đồng hai bên đều tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối và hoàn toàn minh mẫn, tỉnh táo và đã ký vào hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng và được địa phương chứng thực, ông D đã nhận tiền từ vợ chồng ông và giao cho bà Thịnh – cán bộ tư pháp phường Phương Liễu toàn bộ GCNQSDĐ và giấy tờ nhân thân để làm thủ tục pháp lý sang tên quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông. Do lúc đó vợ chồng ông D chưa ổn định chỗ ở mới nên đã hỏi mượn ông nhà đất để ở lại thêm một thời gian và ông đã đồng ý. Việc mượn lại nhà đất chỉ được hai bên thỏa thuận miệng với nhau và không lập thành văn bản. Sau khi hết thời hạn 4 tháng theo thỏa thuận, ông D đã không trả lại nhà đất cho vợ chồng ông, vợ chồng ông đòi nhiều lần nhưng ông D đều nói là chưa xây xong nhà mới.

Ngày 07/12/2012, UBND thị xã Quế Võ cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Lê Văn L và Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m², địa chỉ thửa đất tại khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Trong suốt thời gian làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ, ông D và bà L không hề có đơn thư khiếu nại cũng như đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên việc cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục chuyển quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất trên cho vợ chồng ông là đúng quy định của pháp luật.

Sau nhiều lần đòi nhà đất không được nên năm 2013, ông đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ (nay là thị xã Quế Võ) giải quyết về tranh chấp kiện đòi tài sản. Sau nhiều lần giải quyết ở nhiều cấp khác nhau nhưng vụ án đến nay chưa được giải quyết dứt điểm. Nay ông vẫn xác định và khẳng định quyền sử dụng và quản lý thửa đất cùng tài sản trên đất tại thửa số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m², địa chỉ thửa đất tại khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh là của vợ chồng ông là Lê Văn L và Nguyễn Thị L. Hiện nhà đất trên đang bị vợ chồng ông D và bà L chiếm giữ không trả.

Căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, GCNQSDĐ mang tên vợ chồng ông. Ngoài ra khi giải quyết tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng đã nhận định trong bản án về thửa đất trên có nguồn gốc của vợ chồng ông D, bà L và xác định ông D, bà L

đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang tên vợ chồng ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị L có chứng thực của UBND phường Phương Liễu. Ngày 07/12/2012 UBND thị xã Quế Võ đã cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông L, bà L. Đối với việc Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội còn nhận định về khoản tiền ông D vay ông trong thời gian trước và sau hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhận định hai bên không thể hiện có việc đòi trừ tiền vay thì ông cho rằng nhận định này của Tòa cấp cao là không có cơ sở vì việc vay tiền giữa ông và ông D đã được khởi kiện và giải quyết trong vụ án khác, vụ án đó hoàn toàn độc lập và không liên quan đến vụ án ông kiện đòi tài sản này.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông L nộp tài liệu chứng cứ mới là: Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 giữa ông và ông D với nội dung “*Ông D đề nghị ông L hỗ trợ cho ông D phần coi nói thêm mái tôn ở sân với số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông D hẹn với ông L chậm nhất 30 ngày kể từ ngày 02/6/2023 đến ngày 02/07/2023 sẽ trả nhà đất cho ông L thì ông L phải trách nhiệm trả số tiền như hai bên đã thỏa thuận ở trên cho ông D...*”. Nội dung Hợp đồng thỏa thuận này thể hiện ông D thừa nhận việc mượn nhà đất của vợ chồng ông và tự nguyện trả lại nhà đất, đề nghị vợ chồng ông hỗ trợ phần xây dựng thêm. Tuy nhiên, ông D không thực hiện theo như Hợp đồng thỏa thuận.

Nay ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc vợ chồng ông D và Lập phải trả lại vợ chồng ông quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m², địa chỉ thửa đất tại khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Đối với phần xây dựng thêm của nhà ông D, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Viết D trình bày:

Ông và ông L là chỗ quen biết, do cần tiền kinh doanh nên năm 2012 ông có vay tiền của ông L nhiều lần, trong đó có 01 lần vào tháng 6/2012 ông có vay của ông L số tiền 220.000.000 đồng. Theo thỏa thuận giữa ông và ông L, để ông có thể vay thêm các khoản tiền khác thì ông phải thế chấp Thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m² và tài sản gắn liền với đất tại khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh của vợ chồng ông cho ông L. Theo yêu cầu của ông L thì ông đã tìm đến nhà riêng bà Nguyễn Thị Thịnh - cán bộ tư pháp

phường Phương Liễu thời điểm đó để được hướng dẫn làm hợp đồng thế chấp để vay tiền. Bản thân ông chỉ nghĩ ký vào hợp đồng thế chấp theo hướng dẫn của bà Thịnh thì sẽ vay được tiền của ông L và việc ký hợp đồng chỉ đảm bảo cho số tiền vay nợ còn trên thực tế ông và gia đình vẫn là người quản lý, sử dụng nhà đất này. Sau khi ông L khởi kiện, vợ chồng ông mới biết thửa đất của gia đình ông đã được sang tên vợ chồng ông L.

Sau nhiều cấp xét xử và giải quyết ông vẫn giữ quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông L, bởi lẽ: Ông không có bán đất cho vợ chồng ông L, bà L mà chỉ vay tiền của ông L mà số tiền ông đã vay ông L đã được Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Do không có mục đích chuyển nhượng nên ông không nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng nhà đất của ông L. Hai bên chưa thực hiện việc giao tiền và chưa thực hiện việc giao nhà. Khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng ông đã không để ý nên không đọc nội dung và tại thời điểm ký hợp đồng chỉ có vợ chồng ông đến ký chứ lúc đó không có mặt vợ chồng ông L.

Hợp đồng mà UBND phường Phương Liễu chứng thực đã có sự tẩy xóa và xác nhận không đúng thẩm quyền, giữa các bản của hợp đồng có sự sai lệch, bản cấp cho ông không có tên bà L nhưng sau đó bản án của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ bị hủy thì lại tồn tại Bản hợp đồng có tên bà L. Ông xác định chữ ký trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/6/2012 là chữ ký của ông nhưng chữ ký bên nhận chuyển nhượng là “Nguyễn Thị L” không phải là chữ ký của bà L.

Tại giai đoạn phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, ông D có đề nghị giám định chữ ký chữ viết tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 11/6/2012 và Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 do ông L giao nộp vì có dấu hiệu giả tạo.

Ông D giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có yêu cầu độc lập: Tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng ông với vợ chồng ông L và bà L ngày 11/6/2012 và hủy GNCQSDĐ, tài sản gắn liền trên đất đã được UBND thị xã Quế Võ cấp cho ông L và bà L ngày 07/12/2012 tại số thửa 179 tờ bản đồ số 26, diện tích 238m² địa chỉ: Khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế

Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm căn cứ các Điều 164; 167; 170; 193, 246; 256 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 50; Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Lê Văn L và Nguyễn Thị L quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238 m² ở khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh hiện đã được UBND thị xã Quế Võ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị L vào ngày 07/12/2012 và tài sản gắn liền trên đất.

Bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thị xã Quế Võ đã cấp cho anh Lục và chị Lùng ngày 07/12/2012 đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238 m² ở khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất lập ngày 11/6/2012 tại UBND phường Phương Liễu giữa vợ chồng ông D, bà L với vợ chồng ông L, bà L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/9/2022, bị đơn là ông Nguyễn Việt D và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và yêu cầu độc lập: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của bị đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Thứ nhất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất lập ngày 11/6/2012 do UBND phường Phương Liễu chứng thực giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông L đã vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục và trái pháp luật, cụ thể: Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Quế Võ là bản photocopy, có dấu hiệu giả vì đã được viết thêm sau 04 năm chứng thực. Hiện

đang tồn tại 02 Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Quế Võ cung cấp cho Tòa án và tại UBND thị xã Quế Võ cung cấp Tòa án. Hai hợp đồng này có sự khác nhau về chủ thể trong phần lời chứng: UBND huyện Quế Võ cung cấp ngày 13/04/2015 thì không có 2 chủ thể “Nguyễn Thị L” “Nguyễn Thị L”; ngày 13/03/2017, Văn phòng ĐKĐĐ huyện Quế Võ cung cấp thì có đầy đủ 2 chủ thể “Nguyễn Thị L” “Nguyễn Thị L”, nhận thấy có việc làm giả viết thêm vào Hợp đồng, điều này phù hợp với Bản giám định số 21/2023/TTTVGĐDS ngày 12/06/2023 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự thì chữ viết “và Nguyễn Thị L” “ và Nguyễn Thị L” được viết vào khoảng tháng 4 đến tháng 6 năm 2016, không được viết cùng thời điểm với thời gian chứng thực hợp đồng. Thứ hai, Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 là giả, không đủ căn cứ để xác định ông D đã nhận thêm 870 triệu đồng của ông L. Thứ ba, Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/6/2012 là Hợp đồng giả tạo nhằm che giấu việc vay tiền giữa ông D và ông L. Với những lý do trên, đề nghị HĐXX tuyên Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 11/6/2012 vô hiệu, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không đồng ý với những căn cứ mà luật sư của bị đơn đưa ra.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết D và bà Nguyễn Thị L.

Sửa bản án sơ thẩm số 26/2022/DSST ngày 08/9/2022 của TAND thị xã Quế Võ, buộc nguyên đơn ông Lê Văn L, bà Nguyễn Thị L trả cho bị đơn ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L số tiền 1,5 tỷ đồng và về việc tuyên bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND

huyện đã cấp cho vợ chồng ông L; Giữ nguyên các nội dung khác của bản án sơ thẩm.

Bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông D, bà L nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Ngày 11/6/2012, vợ chồng ông D và bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m² ở khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh cho vợ chồng ông L và bà L. Theo lời khai của ông L sau khi ký hợp đồng ông có cho vợ chồng ông D mượn lại nhà để ở trong thời hạn 04 tháng, hết thời hạn mượn ông L đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông D trả lại nhà đất nhưng không được. Ngày 07/12/2012, UBND thị xã Quế Võ cấp GCNQSDĐ cho ông L và bà L. Nay ông L, bà L khởi kiện yêu cầu ông D và bà L phải trả lại nhà đất. Bị đơn ông D bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng vợ chồng ông bà không có nhu cầu chuyển nhượng nhà đất, việc ký vào hợp đồng chuyển nhượng nhà đất chỉ là thế chấp vay tiền ông L, do đó bị đơn có yêu cầu phản tố đề nghị hủy GCNQSDĐ mang tên ông L bà L và hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên. Tòa án sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Xem xét kháng cáo của ông D và bà L:

[3.1] Đối Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/06/2012:

Về chủ thể giao kết hợp đồng: Nguồn gốc thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238m² và tài sản gắn liền trên đất ở khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh (viết tắt là thửa đất 179) được UBND thị xã Quế Võ cấp GCNQSDĐ ngày 23/11/2009 mang tên ông D và bà L. Các bên đương sự đều thừa nhận, do đó căn cứ Điều 106 Luật đất đai năm 2003 thì vợ chồng ông D bà L là chủ sở hữu hợp pháp nên có quyền chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngày 11/6/2012, ông D bà L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất 179 cho vợ chồng ông L bà L, hợp đồng được chứng thực của UBND phường Phương Liễu. Tại thời điểm ký hợp đồng bên bán và bên mua đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và thể hiện chữ ký của mình nên đảm bảo điều kiện về chủ thể giao kết theo quy định tại Điều 122 BLDS năm 2005 (tương ứng quy định tại BLDS năm 2005).

Về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng: Hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất 179, hợp đồng được chứng thực của UBND phường Phương Liễu. Tại công văn số 442/UBND – TNMT ngày 06/6/2013 của UBND thị xã Quế Võ về việc công chứng đối với các hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn thị xã Quế Võ căn cứ vào Quyết định 144 ngày 16/9/2009 của UBND tỉnh Bắc Ninh có quy định: *“Kể từ ngày 15/6/2013, việc chứng nhận các hợp đồng giao dịch liên quan đến bất động sản trên địa bàn huyện do các tổ chức hành nghề công chứng chứng thực thực hiện. UBND cấp xã, thị trấn không thực hiện chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến bất động sản”*. Như vậy, ngày 11/6/2012, UBND phường Phương Liễu làm thủ tục công chứng, chứng thực đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên giữa vợ chồng ông D với vợ chồng ông L đã đảm bảo về thời gian và đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung của hợp đồng: Ông D bà L cho rằng hợp đồng giữa vợ chồng ông D với vợ chồng ông L là hợp đồng giả tạo, việc lập hợp đồng chỉ vì mục đích đảm bảo cho ông D vay tiền của ông L vì hợp đồng có sự chênh lệch lớn về giá giữa giá trị ghi trong hợp đồng và giá trị thực tế của thửa đất; không có sự giao nhận tiền và bàn giao nhà đất trên thực tế. Xét thấy việc thỏa thuận giá cả mua bán trong hợp đồng là quyền tự thỏa thuận của các đương sự, các bên đều thừa nhận nên không căn cứ chứng minh hợp đồng giả tạo.

[3.2] Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng:

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 11/6/2012 do UBND phường Phương Liễu chứng thực giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông L vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục, trái pháp luật lý do: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai là bản photocopy, không phải là hợp đồng gốc nên không thể làm căn cứ cấp Giấy chứng

nhận QSDĐ. Theo bản Kết luận giám định số 21/2023/TTTVGDDS ngày 12/06/2023 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự thì chữ viết “và Nguyễn Thị L” “và Nguyễn Thị L” được viết khoảng tháng 4 đến tháng 6 năm 2016, không được viết cùng thời điểm với thời gian chứng thực hợp đồng. Căn cứ tài liệu trên thì bị đơn cho rằng có việc thay đổi hồ sơ chuyển nhượng, viết thêm chữ là hành vi làm giả hồ sơ, có dấu hiệu của tội phạm.

Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh là giả, không đủ căn cứ để xác định ông D đã nhận 870 triệu đồng của ông L. Đối với Hợp đồng này thì Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 15/09/2023 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an không giám định được là có cùng máy in; Bản giám định số 62/2023/TTTVGDDS ngày 02/01/2024 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự cho rằng mực in trên trang 1 và trang 2 được in từ 2 máy khác nhau, trang 1 là photo không ký cùng nhau; mực dấu khác nhau, điểm chỉ không cùng thời điểm; Giám định Bộ Quốc Phòng cho rằng trang 1 và trang 2 cùng 1 máy in, còn việc ký trước ký sau và mực dấu không giám định được. Kết luận giám định của Bộ quốc phòng cho rằng trang 1 và trang 2 in ra từ một máy in nhưng không kết luận được có in ra cùng thời điểm, cũng không chỉ ra các trang là bản gốc hay là bản photo. Trong khi cả trang 1 cả hai bên không ký, không điểm chỉ và đặc biệt ông D không thừa nhận có cùng ông L ký hợp đồng 02/6/2023.

[3.3] Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình xét xử phúc thẩm, bị đơn ông D có đề nghị việc giám định tuổi mực và giám định trang 1, 2 của Hợp đồng chuyển nhượng lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Quế Võ. Đồng thời, ngày 26/7/2023, nguyên đơn ông L nộp tài liệu chứng cứ mới là Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 giữa ông L và ông D. Đối với Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 thì bị đơn ông D không thừa nhận có ký vào biên bản này mà cho rằng có vay tiền tại Công ty F88 và ký vào giấy vay tiền chứ không thể có việc thỏa thuận nội dung như vậy với ông L, tuy nhiên ông D không đưa ra căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Ngày 10/8/2023 ông D có đơn đề nghị giám định trang 01, trang 02 của Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 có phải cùng 01 máy in hay không tại Trung tâm tư vấn giám định dân sự.

Bản giám định số 62/2023/TTTVGĐDS ngày 02/01/2024 của Trung tâm tư vấn giám định dân sự kết luận:

“1. Chữ viết trang 1, 2 của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do UBND xã Phương Liễu chứng thực ngày 11/06/2012, được lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ, không phải là tài liệu gốc, mà tài liệu được photocopy.

2. Dòng 9, bên phải: “và Nguyễn Thị L”, dòng 10, bên phải: “và Nguyễn Thị L” trong Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và tài sản gắn liền với đất do UBND xã Phương Liễu chứng thực ngày 11/06/2012, được lưu tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Quế Võ, không được viết cùng thời điểm chứng thực của Hợp đồng ngày 11/06/2012 tại UBND xã Phương Liễu.

Chữ dòng 9, bên trái: “Nguyễn Viết D” (A1) và dòng 10, bên trái: “Lê Văn L” (A2) được viết vào khoảng tháng 5 năm 2012 với sai số ± 2 tháng. Chữ dòng 9, bên phải: “và Nguyễn Thị L” (A3) và chữ dòng 10, bên phải “và Nguyễn Thị L” (A4) được viết vào khoảng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2016 với sai số ± 2 tháng”.

Các bản Kết luận giám định đối với Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 thì thấy:

Kết luận giám định số 303/KL-KTHS ngày 15/9/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

“5.1. Chữ ký, chữ viết Nguyễn Viết D dưới mục “Bên A” trên các mẫu giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Viết D trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra.

5.2. Không có đủ cơ sở kết luận chữ đánh máy tại trang 1 và chữ đánh máy tại trang 2 mẫu cần giám định ký hiệu A có phải in từ cùng một máy in ra hay không.

5.3. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 24 - Luật giám định tư pháp năm 2012 được sửa đổi bổ sung năm 2020 và điểm d, khoản 1, Điều 80 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện khoa học hình sự từ chối thực hiện giám định đối với thời điểm ký, viết trên mẫu cần giám định ký hiệu A do hiện nay, Viện khoa học hình sự chưa giải quyết được yêu cầu về giám định thời điểm ký, viết trên tài liệu”.

Bản giám định số 62/2023/TTTVGĐDS ngày 02/01/2024 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự, kết luận:

“1. Chữ in trên trang 1 và 2 của “Hợp đồng thỏa thuận” đề ngày 02/06/2023 không được in ra từ cùng một máy in. Mục in trên trang 1 và 2 được in không cùng thời gian, mục in trang 2 được in trước trang 1.

2. Mục dấu vân tay dùng điểm chỉ đúng tên Nguyễn Viết D dưới mục Bên A và mục dấu vân tay đúng tên Lê Văn L dưới mục bên B tại trang 2 của “Hợp đồng thỏa thuận” đề ngày 02/06/2023 không được điểm chỉ vào cùng một thời điểm, mục dấu bên A được điểm chỉ trước mục dấu bên B.

3. Chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Viết D dưới mục bên A (A1) tại trang 2 của “Hợp đồng thỏa thuận” đề ngày 02/06/2023 được ký và viết vào khoảng đầu tháng 06/2023.

4. Chữ ký, chữ viết ghi tên Lê Văn L dưới mục bên B (A2) tại trang 2 của “Hợp đồng thỏa thuận” đề ngày 02/06/2023 được ký và viết vào khoảng từ cuối tháng 06/2023 đến tháng 07/2023. Mục của chữ ký, chữ viết ghi tên Nguyễn Viết D được viết trước so với tuổi mục của chữ ký, chữ viết ghi tên Lê Văn L”.

Kết luận giám định số 103/KL-GĐKTHS (P11) ngày 10/04/2024 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng, kết luận:

“Chữ in tại trang 1 và trang 2 của Hợp đồng thỏa thuận đề ngày 02/06/2023 (ký hiệu A) là được in ra từ cùng một máy in.

Từ chối yêu cầu giám định thời điểm ký, viết và điểm chỉ dấu vân tay trên Hợp đồng thỏa thuận đề ngày 02/06/2023 (ký hiệu A) do các Giám định viên của phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng ở thời điểm hiện tại chưa đủ khả năng, năng lực chuyên môn, cơ sở khoa học và phương tiện nghiệp vụ để nghiên cứu, giám định, kết luận về thời điểm ký, viết, điểm chỉ trên tài liệu.”

Xét các bản kết luận giám định trên thấy có sự mâu thuẫn giữa kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng với Bản giám định của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự - Liên hiệp các khối KH&KT Việt Nam.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhận được Công văn số 959/C09-P1 ngày 05/4/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an trả lời về việc giám định tuổi mục như sau:

“Giám định chữ viết, chữ ký thuộc chuyên ngành giám định tài liệu trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công

an. Trong lĩnh vực giám định kỹ thuật hình sự, chỉ có 04 tổ chức giám định tư pháp công lập: Viện khoa học hình sự thuộc Bộ Công an; Phòng khoa học hình sự thuộc công an cấp tỉnh; Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Bộ Quốc phòng; Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật giám định tư pháp thì Văn phòng giám định tư pháp là Tổ chức giám định tư pháp ngoài công lập, được thành lập trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả. Như vậy trung tâm giám định dân sự thuộc Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, trụ sở: 67 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội không thuộc tổ chức giám định tư pháp công lập trong lĩnh vực kỹ thuật hình sự và thuộc Văn phòng giám định tư pháp ngoài công lập thì cũng không có chức năng giám định tài liệu (trong đó có giám định chữ ký, chữ viết). Hiện nay, các tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự chưa thực hiện giám định tuổi mục”

Như vậy, các Bản giám định Bản giám định số 21/2023/TTTVGDDS ngày 12/6/2023 và số 62/2023/TTTVGDDS ngày 02/01/2024 của Trung tâm tư vấn, giám định dân sự về việc thực hiện giám định tuổi mục không thể được sử dụng làm chứng cứ, căn cứ pháp lý để giải quyết vụ án.

Từ những căn cứ nêu trên thì không có căn cứ xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ngày 11/6/2012 và Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 mà bị đơn yêu cầu giám định tuổi mục có việc giả tạo. Bản thân ông D cũng thừa nhận đúng chữ ký chữ viết điểm chỉ của mình tại Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 nên không có cơ sở để không chấp nhận những chứng cứ tài liệu này.

[3.4] Bị đơn xác định Hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/6/2012 là hợp đồng giả tạo để nhằm che giấu việc vay tiền giữa ông D và ông L nhưng không có đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh che giấu khoản vay tiền nào. Thêm nữa, việc ông D ký và điểm chỉ vào Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 với nội dung “Ông D đã nhận đủ số tiền bán đất cho ông L là 870.000.000đ theo hợp đồng ngày 11/6/2012 và ông D đề nghị ông L hỗ trợ cho ông D phần coi nói thêm mái tôn ở sân với số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông D hẹn với ông L chậm nhất 30 ngày kể từ ngày 02/6/2023 đến ngày 02/07/2023 sẽ trả nhà đất cho ông L thì ông L phải trách nhiệm trả số tiền như hai bên đã thỏa thuận ở trên cho ông D....” Với nội dung

này lại một lần nữa khẳng định vừa ông D thừa nhận việc trả nhà đất cho ông L và căn cứ chứng minh xác định vợ chồng ông D đã ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông L và đã nhận đủ tiền chuyển nhượng, cam kết giao nhà đất cho vợ chồng ông L theo như khởi kiện và trình bày của vợ chồng ông L.

[3.5] Đối với việc vay tiền giữa ông L và ông D thì Bản án số 02/2014/DSST ngày 24/01/2014 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ giải quyết hợp đồng vay tài sản giữa ông L với ông D cả hai bên đều không trình bày về việc có thể chấp GCNQSDĐ để vay tiền. Lời khai của ông D có trong hồ sơ khi giải quyết vụ án, các giấy biên nhận vay tiền đều không thể hiện, đề cập đến việc ông D có thể chấp quyền sử dụng đất cho ông L để vay tiền. Hơn nữa, ông D cho rằng việc vay tiền của ông L là một mình ông đứng lên vay, bà L vợ ông không vay và không biết việc ông vay tiền của ông L. Tuy nhiên, trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/6/2012 có chữ ký bên chuyển nhượng cả ông D và bà L nên việc ông D lại cho rằng việc ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mục đích để che giấu cho các khoản tiền mà ông đã vay của ông L là không có cơ sở, bởi trong biên bản thỏa thuận ngày 02/6/2023 giữa ông L và ông D thì đã xác định việc chuyển nhượng nhà đất theo hợp đồng ngày 11/6/2012 thì giữa hai bên đã có sự giao nhận tiền và với số tiền là 870.000.000đ, mặt khác tại phiên tòa ông D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh khác cho lời trình bày của mình nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.6] Đối với người làm chứng là bà Thịnh – cán bộ tư pháp có lời khai cho rằng đã chứng kiến việc ông D, bà L ký vào hợp đồng và xác nhận lời khai của ông D về việc ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất tại nhà bà Thịnh cũng như việc ông D nói không đọc hợp đồng và nội dung hợp đồng để trống là không đúng sự thật.

[3.7] Đối với việc ông D cho rằng các bên chưa có sự giao nhận tiền và bàn giao đất: Theo quy định thì việc thanh toán tiền mua đất giữa các bên do các bên lựa chọn nhiều hình thức thanh toán khác nhau, trong điều khoản của hợp đồng thể hiện các bên thỏa thuận việc thanh toán tiền chuyển nhượng do các bên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, bên chuyển nhượng có trách nhiệm giao thửa đất cùng giấy tờ về quyền sử dụng đất cho bên nhận chuyển nhượng vào thời điểm thanh toán xong tiền. Sau đó bên nhận chuyển nhượng là ông L đã nhận được GCNQSDĐ của thửa đất số 179 và đơn xác nhận tình trạng thửa đất của ông D để

đi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, hơn nữa trong biên bản thỏa thuận ngày 02/6/2023 ông D đã thừa nhận đã nhận số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông L theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 11/6/2012 là 870.000.000đ. Như vậy, xác định ông D đã nhận của ông L số tiền là 870.000.000đ từ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/6/2012 nên việc ông D cho rằng hai bên không có việc bàn giao tiền là không phù hợp.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa vợ chồng ông D và vợ chồng ông L ngày 11/6/2012 là hợp pháp theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc UBND thị xã Quế Võ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông L, bà L là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả lại nhà đất theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tuy nhiên, cần rút kinh nghiệm đối với Tòa án cấp sơ thẩm về việc tuyên bác yêu cầu phản tố của bị đơn về việc hủy GCNQSDĐ, bởi việc xem xét đối với quyết định cá biệt là GCNQSDĐ của UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

[4] Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/3/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xác định sau khi Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ xét xử thì ông D xây dựng tân tạo công trình như sau: Nhà vệ sinh, mái tôn và mái vẩy tôn, lát sân gạch đỏ, ốp cách tôn, làm cửa gỗ, cửa sổ, cửa cuốn, xây dựng thêm 03 ki ốt. Tổng giá trị tài sản xây dựng thêm là 741.259.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, ông L không chấp nhận việc hỗ trợ cho bị đơn số tiền 1.500.000.000 đồng như Hợp đồng thỏa thuận ngày 02/6/2023 bởi vì ông D không tự nguyện trả nhà đất cho ông L trước ngày 02/7/2023, tuy nhiên ông L không trả nhà đất như thỏa thuận nên ông L đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, không hỗ trợ số tiền như đã thỏa thuận.

Do vậy, đối với tài sản bị đơn mới xây dựng, cần buộc nguyên đơn trả cho bị đơn về giá trị các công trình do bị đơn làm thêm. Do vậy cần sửa bản án sơ thẩm về việc buộc nguyên đơn trả bị đơn số tiền 741.259.000.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản lại, giám định tại Bộ Công an và Bộ quốc phòng, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ. Bị đơn chịu 150.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tại Trung tâm tư vấn giám định dân sự, xác nhận bị đơn đã nộp đủ.

Bị đơn ông D và bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nguyên đơn ông L và bà L phải chịu 33.650.000 đồng án phí có giá ngạch đối với số tiền trả cho bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ.

Buộc ông Lê Văn L và Nguyễn Thị L trích trả cho ông Nguyễn Viết D và bà Nguyễn Thị L số tiền là 741.259.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi một triệu hai trăm năm chín nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thị xã Quế Võ cấp cho anh Lê Văn L và chị Nguyễn Thị L ngày 07/12/2012 đối với thửa đất số 179, tờ bản đồ số 26, diện tích 238 m² ở khu phố Giang Liễu, phường Phương Liễu, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh và tài sản gắn liền với đất.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Viết D và bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông D bà L số tiền là 600.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên

lai thu số 0005283 và 0005284 ngày 14/9/2022 tại Chi cục thi hành án thị xã Quế Võ.

Ông Nguyễn Văn Lục, bà Nguyễn Thị L phải chịu 33.650.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí định giá lại, giám định tại Viện khoa học hình sự Bộ Công an, Phòng kỹ thuật hình sự Bộ Quốc, xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

Ông Nguyễn Viết D, bà Nguyễn Thị L phải chịu 150.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và giám định tại Trung tâm tư vấn giám định dân sự, xác nhận đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 26/2022/DS-ST, ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quế Võ không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam